

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-PT

Ngày: 29/5/2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/5 và 29/5 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công K vụ án thụ lý số: 140/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Các nguyên đơn:*

1) Ông Tạ Quang P, sinh năm 1952.

Địa chỉ: số a, khóm a, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2) Ông Tạ Trung N. sinh năm 1955.

Địa chỉ: số A, khóm A thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3) Bà Tạ Long V, sinh năm 1959.

Địa chỉ: số A, A, khóm Phú Hòa, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

4) Bà Tạ Xuân V2, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số A, khóm A, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

5) Ông Phạm Tường L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số A, A, khu phố 8, phường B3 Trị Đông A, huyện B3 Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

6) Bà Phạm Thị Thu Q, sinh năm 1974.

7) Bà Phạm Kim N, sinh năm 1980.

8) Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1976.

9) Ông Phạm Đình B, sinh năm 1983.

10) Ông Phạm Công B3, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: số A, ấp A, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

11) Bà Lê Trúc T, sinh năm 1984.

12) Ông Lê Minh D3, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Nguyễn Phú K3, sinh năm 1957, địa chỉ: số A A, khóm Phú Hòa, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1966.

Địa chỉ: tổ A, khóm A, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1) Bà Nguyễn Thị Tt, sinh năm 1968.

Địa chỉ: tổ A, khóm A, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2) Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Xiêu, Chủ tịch UBND huyện Châu Thành.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Phú K3 là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2017, sửa đổi, bổ sung ngày 13/02/2017, ngày 13/5/2019, ngày 02/10/2019, các lời K3 trong quá trình trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Phú K3, trình bày:

Phần đất tranh chấp (hiện nay bà Nguyễn Thị A đang quản lý, sử dụng) nằm trong diện tích đất “Vướng quyền hương hỏa”, là cơ sở thờ tự của gia tộc họ Tạ (còn gọi

là Miếu Quan Thánh), đã được Ty điền địa Sa Đéc cấp “Trạng thái chứng chỉ bất động sản” ngày 26/01/1973 diện tích 2.171,6m² cho ông Tạ Văn Tàu (chết năm 1955) đứng tên.

Ông Tạ Văn Tàu có vợ là Lê Thị Khái và 03 người con Tạ Thị Lý (chết, không có con), Tạ Thị Xiêm (chết lúc nhỏ), Tạ Văn Trường.

Ngày 18/10/1958, bà Lê Thị Khái ủy quyền cho con trai ông Tạ Văn Trường và con dâu là bà Phạm Thị Sáu được quyết định các vấn đề liên quan đến tài sản gia đình.

Ông Tạ Văn Trường (chết năm 2010) và Phạm Thị Sáu (chết năm 2010) có 07 người con như sau:

1. Bà Tạ Nguyệt Liễu, sinh năm 1943 (chết ngày 22/12/1997, không có con).
2. Bà Tạ Nhựt Thùy, sinh năm 1947 (chết 1995)
3. Ông Tạ Quang P, sinh năm 1952.
4. Ông Tạ Trung N, sinh năm 1955.
5. Bà Tạ Ánh Thời, sinh năm 1957 (chết năm 2009)
6. Bà Tạ Long V, sinh năm 1959.
7. Bà Tạ Xuân V2, sinh năm 1961.

Bà Tạ Nhựt Thùy chết ngày 09/12/1995 có 06 người con:

1. Chị Phạm Tường L, sinh năm 1970.
2. Chị Phạm Thị Thu Q, sinh năm 1974.
3. Chị Phạm Kim N, sinh năm 1980.
4. Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1976.
5. Anh Phạm Đình B, sinh năm 1983.
6. Anh Phạm Công B3, sinh năm 1987.

Bà Tạ Ánh Thời chết vào ngày 29/7/2009 có hai người con là :

1. Chị Lê Thị Trúc T, sinh năm 1984.

2. Anh Lê Minh D3, sinh năm 1987.

Khoảng năm 1967 – năm 1968, ông Tạ Văn Trường cho ông Nguyễn Văn Xinh (là cha của bà Nguyễn Thị A) thuê đất ở. Gia đình ông Xinh đóng tiền thuê hàng năm 1.500 đồng/năm đến năm 1999 thì ngưng. Đến ngày 04/7/2000, ông Xinh đăng ký kê K3 được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận QSD đất thừa đất số 2521 tờ bản đồ số 60 diện tích 60m² cho hộ Nguyễn Văn Xinh.

Sau khi ông Xinh chết thì bà Nguyễn Thị A (con ông Xinh) đăng ký nhận thừa kế, được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 08/2/2007 thừa đất số 2521 tờ bản đồ số 3 diện tích 34,4m². Nguyên nhân do Nhà nước thu hồi diện tích đất 25,6m² để mở rộng, nâng cấp quốc lộ 80. Bà A đã được nhận tiền bồi thường thiệt hại diện tích đất bị thu hồi 25,6m². Tháng 5 năm 2011, bà A xin phép xây dựng diện tích 38,19m².

Đến năm 2011, bà A được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011 thừa đất số 50 tờ bản đồ số 20 diện tích 51m² cho bà Nguyễn Thị A, đo đạc hiện trạng đất hiện nay là 49m², vị trí diện tích 49m² xác định bởi các mốc 1-2-3-A-4-5-1 theo Trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 25/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Năm 2011, bà A chỉ được cấp QSD đất 34,4m² nhưng năm 2011 được cấp đổi diện tích 51m² (đo đạc thực tế là 49m²). Như vậy, bên gia đình bà A đã lấn chiếm sang đất đường đi của gia tộc họ Tạ diện tích $49\text{m}^2 - 34,4\text{m}^2 = 14,6\text{m}^2$ để xây dựng nhà ở và được cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất diện tích 51m².

Nay các nguyên đơn đồng ý cho bà Nguyễn Thị A tiếp tục được quyền sử dụng đất diện tích 14,6m² nhưng bà Nguyễn Thị A phải hoàn trả cho các nguyên đơn giá trị diện tích đất lấn chiếm là $14,6\text{m}^2 \times 3.640.000 \text{ đồng/m}^2 = 53.144.000 \text{ đồng}$. Các nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Phú K3 thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Phú K3 xác định diện tích đất bị lấn chiếm là 14,5m² thuộc thừa đất số 50 tờ bản đồ số 20 diện tích 51m² cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011 cho bà Nguyễn Thị A, đo đạc hiện trạng đất hiện nay là 49m². Vị trí diện tích đất 14,5m² xác định bởi các mốc: 4-5-B-A-4 theo Trích đo hiện trạng đất tranh chấp

ngày 25/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành; và chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị Tt liên đới hoàn trả giá trị diện tích đất bị lấn chiếm là: $14,5m^2 \times 3.640.000đ/m^2 = 52.780.000$ đồng.

Theo đơn tường trình, các lời K3 trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tt trình bày:

Phần đất hộ bà A đang quản lý, sử dụng nguồn gốc là đất của Chùa Ông (còn gọi là Miếu Quan Thánh) cho cha mẹ bà A, bà Tt là ông Nguyễn Văn Xinh (sinh năm 1922, chết năm 2004) và bà Trần Thị Mười (sinh năm 1927, chết năm 1982) cất nhà ở, sử dụng từ trước năm 1954. Hàng năm, cha mẹ bà A, bà Tt có đóng tiền nhang khói cho Chùa Ông. Sau năm 1975, cụ Xinh có đóng thuế đất cho Nhà nước, nhưng không còn đóng tiền nhang khói cho Chùa Ông nữa.

Đến năm 1995, bà Tạ Long V (vợ ông ông Nguyễn Phú K3) đại diện họ Tạ khiếu nại tranh chấp đất đai với 21 hộ dân ở xung quanh Chùa Ông thì Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có Quyết định số 184/QĐ.UB ngày 06/9/1996 và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 201/QĐ.UB-NĐ ngày 25/3/1999 giải quyết bác khiếu nại của bên bà V, và giải quyết cho ông Nguyễn Văn Xinh được sử dụng diện tích đất $60m^2$.

Đến năm 2000, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 04/7/2000 diện tích $60 m^2$ thửa đất số 2521 tờ bản đồ số 03 cho hộ ông Nguyễn Văn Xinh.

Sau khi cụ Xinh chết ngày 06/6/2004 thì hàng thừa kế di sản cụ Xinh đăng ký thủ tục đồng ý cho bà Nguyễn Thị A hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2521 và căn nhà xây dựng trên thửa đất số 2521. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 08/02/2007 thửa đất số 2521 tờ bản đồ số 03 diện tích $34,4m^2$ cho bà Nguyễn Thị A. Năm 2011 được cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011 diện tích $51m^2$ thửa đất số 50 tờ bản đồ số 20 cho bà Nguyễn Thị A. Do đặc hiện trạng hiện nay là $49m^2$ vị trí diện tích $49m^2$ xác định bởi các mốc 1-2-3-A-4-5-1 theo Trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 25/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành. Bà A, bà Tt thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản của Tòa án.

Nay bà A, bà Tt xác định diện tích $14,5m^2$ (xác định bởi các mốc: 4-5-B-A-4 theo Trích đo hiện trạng đất tranh chấp ngày 25/11/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành), là thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 20 diện tích $51m^2$ cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011 cho bà Nguyễn Thị A. Căn nhà xây dựng trên thửa đất số 50 là tài sản của cá nhân bà Nguyễn Thị A. Bà A và bà Tt không đồng ý bồi hoàn giá trị diện tích đất $14,5m^2$ là 52.780.000 đồng theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, có văn bản trình bày:

Căn cứ vào Quyết định số 201/QĐUB ngày 25/3/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Phú K3 với 21 hộ dân cư ngụ tại ấp Phú Hòa, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, thì ông Nguyễn Văn Xinh được công nhận quyền sử dụng đất diện tích $60m^2$.

Ngày 04/7/2000, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận QSD đất diện tích $60m^2$ thửa đất số 2521 tờ bản đồ 303 cho ông Nguyễn Văn Xinh, thuộc trường hợp đăng ký kê K3 lần đầu. Năm 2003, thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 80, bị thu hồi $25,6m^2$, quá trình thực hiện dự án chỉ bị thu hồi diện tích thực tế $09m^2$, nên được điều chỉnh cấp đổi diện tích QSD đất còn lại $51m^2$.

Sau khi ông Nguyễn Văn Xinh chết, bà Nguyễn Thị A nhận thừa kế được cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011 thửa đất số 50 tờ bản đồ 20, diện tích $51m^2$ bao gồm:

- Diện tích đăng ký lần đầu $16,6m^2$ thuộc một phần thửa đất số 2521 tờ bản đồ số 3 bị thu hồi theo Quyết định số 456/QĐ-UB ngày 13/4/2006 thu hồi, bồi thường cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 80 và được điều chỉnh bởi Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 về việc thu hồi Quyết định số 456/QĐ-UB ngày 13/4/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

- Phần diện tích cấp đổi $34,4m^2$ thuộc thửa đất số 2521 tờ bản đồ số 3 cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 08/02/2007 cho bà Nguyễn Thị A.

Hai diện tích đất này không thuộc diện tích đất cấp cho Miếu Quan Thánh. Trình tự, thủ tục cấp QSD đất là đúng quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành không đồng ý việc hủy Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho bà Nguyễn Thị A.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Tạ Quang P, Tạ Trung N, Tạ Long V, Tạ Xuân V2, Phạm Tường L, Phạm Thị Thu Q, Phạm Kim N, Phạm Quốc T, Phạm Đình B, Phạm Công B3, Lê Thị Trúc T, Phạm Minh D3, về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị Tt liên đới bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 14,5m² thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 20 do bà Nguyễn Thị A đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011, với số tiền là 52.780.000 đồng.

2 . Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.639.000 đồng.

- Số tiền tạm ứng án phí mà các nguyên đơn đã nộp 5.220.000 đồng được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm phải nộp. Hoàn trả lại cho các nguyên đơn tiền tạm ứng án phí còn lại là 2.581.000 đồng theo Biên lai số 06605 ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là 1.781.000 đồng (ông Nguyễn Phú K3, là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, đã nộp và thanh toán xong).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2019, Tạ Quang P, Tạ Trung N, Tạ Long V, Tạ Xuân V2, Phạm Tường L, Phạm Thị Thu Q, Phạm Kim N, Phạm Quốc T, Phạm Đình B, Phạm Công B3, Lê Thị Trúc T, Phạm Minh D3 ủy quyền cho ông Nguyễn Phú K3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 70/2019/ST-DS ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, với lý do là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Phú K3 là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn có thay đổi nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của các nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phú K3 là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Phú K3, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính và sơ đồ hiện trạng tranh chấp thì phần diện tích đất đang tranh chấp 14,5m² thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 20, tại khóm Phú Hòa, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp (diện tích 51m², diện tích qua đo đạc hiện trạng đất hiện nay là 49m²) được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần cuối cùng cho bà Nguyễn Thị A vào ngày 24/3/2011.

Theo các quyết định về việc giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật số 184/QĐ-UB ngày 06/9/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và 201/QĐ.UB ngày 25/3/1999 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp đã xác định thửa đất số 50, tờ bản đồ số 20 nói trên có nguồn gốc là của ông, bà của các nguyên đơn cho gia đình ông Nguyễn Văn Xinh, bà Trần Thị Mười (là cha mẹ của bà A, bà Tt) ở, sử dụng từ trước năm 1954, nên ông Xinh được công nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/7/2000, diện tích 60m², thuộc thửa số 2521 tờ bản đồ 03; năm 2003, Nhà nước thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 80, đã thu hồi 09m² nên thửa đất được điều chỉnh cấp đổi diện tích còn lại 51m²; sau khi ông Xinh chết, bà A nhận thừa kế được cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011 thuộc thửa số 50, tờ bản đồ 20, diện tích 51m² (diện tích qua đo đạc thực tế hiện nay là 49m²).

Như vậy, phần diện tích đất có tranh chấp 14,5m² mà các nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả giá trị là thuộc một phần của thửa 50, tờ bản đồ 20, là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo đại diện hợp pháp của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 155, Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tạ Quang P, Tạ Trung N, Tạ Long V, Tạ Xuân V2, Phạm Tường L, Phạm Thị Thu Q, Phạm Kim N, Phạm Quốc T, Phạm Đình B, Phạm Công B3, Lê Thị Trúc T, Phạm Minh D3.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 27/11/2019, Toà án nhân dân huyện Châu Thành.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Tạ Quang P, Tạ Trung N, Tạ Long V, Tạ Xuân V2, Phạm Tường L, Phạm Thị Thu Q, Phạm Kim N,

Phạm Quốc T, Phạm Đình B, Phạm Công B3, Lê Thị Trúc T, Phạm Minh D3 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị Tt liên đới trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 14,5m² thuộc một phần thửa đất số 50 tờ bản đồ số 20 do bà Nguyễn Thị A đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất ngày 24/3/2011, với số tiền là 52.780.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tạ Quang P, Tạ Trung N, Tạ Long V, Tạ Xuân V2, Phạm Tường L, Phạm Thị Thu Q, Phạm Kim N, Phạm Quốc T, Phạm Đình B, Phạm Công B3, Lê Thị Trúc T, Phạm Minh D3 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.639.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 5.220.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 06605 ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên được nhận lại 2.581.000 đồng.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tạ Quang P, Tạ Trung N, Tạ Long V, Tạ Xuân V2, Phạm Tường L, Phạm Thị Thu Q, Phạm Kim N, Phạm Quốc T, Phạm Đình B, Phạm Công B3, Lê Thị Trúc T, Phạm Minh D3 phải liên đới phải chịu toàn bộ là 1.781.000 đồng (đã nộp và thanh toán xong).

6. Về án phí phúc thẩm: Tạ Quang P, Tạ Trung N, Tạ Long V, Tạ Xuân V2, Phạm Tường L, Phạm Thị Thu Q, Phạm Kim N, Phạm Quốc T, Phạm Đình B, Phạm Công B3, Lê Thị Trúc T, Phạm Minh D3 phải liên đới chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007203 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên các nguyên đơn đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy